TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29.6.2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung- Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên toà: Ông Võ Phước Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGD ngày 20/6/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ X, phường Y, quận V, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- Bị đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ X, phường Y, quận V, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lê Đức T xây dựng gia đình vào năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Quảng Nam (Chứng nhận kết hôn số: 21, quyển số 01/97. Hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Quảng Nam được khoảng 3 năm thì chuyển về sinh sống tại tổ X, phường Y, quận V, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên gay

gắt cho đến nay, nguyên nhân do ông T thường rượu chè say xỉn, chửi bới vợ con. Bà L đã cố gắng khuyên giải nhưng ông T không chịu thay đổi. Nay bà Lê Thị Mỹ L xác định không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Đức T.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định bà và ông Lê Đức T có hai con chung là Lê Đức D, sinh ngày 13/5/1998 và Lê Đức D1, sinh ngày 20/12/2005. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đức D1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; đối với cong chung Lê Đức D đã thành niên nên không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định bà và ông Lê Đức T không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Lê Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Lê Đức T quá trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà L và ông T đã trầm trọng, kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: nguyện vọng được nuôi con của bà L là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết, ông Lê Đức T không có ý kiến nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định không có, ông Lê Đức T không có ý kiến nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ L khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là ông Lê Đức T có địa chỉ cư trú tại tổ X, phường Y, quận V, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Lê Đức T tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông T, xét yêu cầu của bà L thì thấy:

Giữa vợ chồng việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau vừa là quyền nhưng cũng là nghĩa vụ để các bên duy trì hôn nhân. Tuy nhiên theo bà L trình bày ông T thường rượu chè say xỉn, mắng chửi vợ con... Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do vậy việc bà Lê Thị Mỹ L cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Đức T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn thì thấy:

Bà Lê Thị Mỹ L xác định bà và ông Lê Đức T có hai con chung là Lê Đức D, sinh ngày 13/5/1998 và Lê Đức D1, sinh ngày 20/12/2005. Đối với cháu Lê Đức D đã thành niên nên không xem xét đến, đối với cháu Lê Đức D1 chưa đủ tuổi thành niên nên khi giải quyết ly hôn cần xem xét giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết.

Xét yêu cầu trên đây của bà L, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi con, do vậy việc giao cháu D1 cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu là hoàn toàn phù hợp. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết, ông Lê Đức T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định không có, ông Lê Đức T không có ý kiến nên không đề cập đến.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 266; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Lê Đức T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Lê Thị Mỹ L ly hôn với ông Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức D1, sinh ngày 20/12/2005 cho đến khi thành niên, ông Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Lê Đức D, sinh ngày 13/5/1998 đã thành niên nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu giải quyết; ông Lê Đức T không có ý kiến.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định không có; ông Lê Đức T không có ý kiến.

5. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà Lê Thị Mỹ L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007885 ngày 10/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;
- UBND xã Đại Phong;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI